

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2018

1. Thông tin chung về trường

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- Tên trường : Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận
- Địa chỉ các cơ sở:
 - + Cơ sở đào tạo chính : 205 Lê Lợi, Phan Thiết, Bình Thuận
 - + Cơ sở 2 : 186 Trần Hưng Đạo, Phan Thiết, Bình Thuận
 - + Cơ sở 3 : 38 Nguyễn Hội, Phan Thiết, Bình Thuận
- Ký túc xá : 205 Lê Lợi, Phan Thiết, Bình Thuận
- Số điện thoại : 0252.3822769
- Email : cdcdbt@btu.edu.vn
- Địa chỉ website : <http://www.btu.edu.vn>

Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận được thành lập trên cơ sở hợp nhất 03 đơn vị: Cao đẳng Sư phạm (trực thuộc UBND tỉnh), Trung tâm Giáo dục thường xuyên Tỉnh và Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tôn Đức Thắng (trực thuộc Sở GD&ĐT) theo Quyết định số 5598/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2007.

Với mục tiêu phấn đấu là “*Giữ vững hiệu quả đào tạo vì cộng đồng*”, Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận cam kết thực hiện sứ mệnh:

- Đảm bảo hệ thống giáo dục đào tạo đa ngành, đa hệ, đa cấp, đa phương thức, chất lượng cao, đáp ứng nguồn nhân lực để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Bình Thuận và các vùng lân cận.

- Tạo cơ hội học tập thường xuyên, học tập suốt đời cho mọi đối tượng, mọi lứa tuổi; là nơi mà mọi thành viên trong cộng đồng có thể thực hiện các hoạt động học tập lành mạnh và thân thiện, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn cuộc sống.

- Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tiên tiến cho các doanh nghiệp và cá nhân, thông qua các hoạt động tư vấn và đào tạo nguồn nhân lực, vì sự phát triển, phồn vinh, tiến bộ của Bình Thuận và cả nước.

- Cung cấp các dịch vụ tư vấn giáo dục và đào tạo trong mọi lĩnh vực cho cộng đồng.

- Kết hợp có hiệu quả giữa đào tạo và sử dụng, đào tạo và nghiên cứu.

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến các ngành do Trường đào tạo.

Sứ mệnh của Trường được đảm bảo thông qua các chương trình giáo dục - đào tạo do ngân sách nhà nước tài trợ và các nguồn lực khác, được tạo ra từ liên

kết với các đối tác trong và ngoài nước, từ những sáng kiến tổ chức các hoạt động, dịch vụ đào tạo và nghiên cứu của Trường.

1.2. Quy mô đào tạo

Khối ngành/ Nhóm ngành*	Quy mô hiện tại							
	NCS	Học viên CH	ĐH		CDSP		TCSP	
			GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX
Khối ngành I					476	77		503
Khối ngành II								
Khối ngành III								
Khối ngành IV								
Khối ngành V								
Khối ngành VI								
Khối ngành VII								
Tổng (ghi rõ cả số NCS, học viên cao học, SV ĐH, CĐ, TC)					476	77		503

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Năm 2016 và năm 2017, trường xét tuyển theo đề án tuyển sinh riêng bằng 02 phương thức: Xét điểm thi THPT (50% tổng chỉ tiêu); Xét điểm học bạ lớp 12 (50% tổng chỉ tiêu). Ngành Giáo dục Mầm non, xét tuyển kết hợp điểm thi năng khiếu tại trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận hoặc điểm thi năng khiếu tại các trường ĐH, CĐ khác.

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành I						
- Ngành Giáo dục Mầm non (Toán, Văn, Năng khiếu; Văn, Sử, năng khiếu)	111	116	12,25	120	128	19,5
- Ngành Giáo dục Tiểu học (Toán, Lý, Hóa; Văn, Sử, Địa; Toán, Lý, Anh;	75	74	10,5	41	55	17,75

<i>Toán, Văn, Anh</i>)						
Nhóm ngành II						
Nhóm ngành III						
TỔNG CỘNG	186	190		161	183	

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh tốt nghiệp THPT có thể tham gia xét tuyển bằng kết quả thi THPT Quốc gia năm 2018 hoặc bằng điểm các môn học cuối năm lớp 12 tương ứng tổ hợp môn xét tuyển.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

- Đợt 1: Xét tuyển những thí sinh có hộ khẩu thường trú trước ngày 01/01/2018 tại các huyện Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Đức Linh, Tánh Linh Linh theo thống kê nhu cầu đào tạo giáo viên của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Thuận.

- Các đợt xét tuyển tiếp theo: xét tuyển trên phạm vi toàn tỉnh, không phân biệt huyện, thị xã, thành phố đối với những thí sinh có hộ khẩu thường trú trước ngày 01/01/2018.

2.3. Phương thức tuyển sinh

* **Phương thức 1:** Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia với 70% chỉ tiêu cho mỗi ngành.

Điểm xét tuyển (ĐXT) được tính theo công thức:

$$\text{ĐXT} = \text{ĐM1} + \text{ĐM2} + \text{ĐM3} + \text{KV} + \text{ĐT}$$

Trong đó:

ĐM1, ĐM2, ĐM3 là điểm thi các môn trong tổ hợp môn thi, không có môn bị điểm liệt theo quy định của Bộ GD&ĐT, sử dụng điểm thi năng khiếu đối với ngành Giáo dục mầm non và ngành Sư phạm Mỹ thuật (Mỹ thuật - Âm nhạc).

KV là điểm ưu tiên khu vực và ĐT là điểm ưu tiên đối tượng theo quy định của quy chế tuyển sinh hiện hành.

* **Phương thức 2:** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cuối năm lớp 12 với 30% chỉ tiêu cho mỗi ngành.

Điểm xét tuyển (ĐXT) được tính theo công thức:

$$\text{ĐXT} = \text{TBM1} + \text{TBM2} + \text{TBM3} + \text{KV} + \text{ĐT}$$

Trong đó:

TBM1, TBM2, TBM3 (điểm trung bình môn xét tuyển) là điểm trung bình lớp 12 của các môn học dùng để xét tuyển kết hợp điểm thi năng khiếu đối với ngành Giáo dục Mầm non và ngành Sư phạm Mỹ thuật (Mỹ thuật - Âm nhạc).

KV là điểm ưu tiên khu vực và ĐT là điểm ưu tiên đối tượng theo quy định của quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành.

Trong trường hợp có một phương thức không tuyển hết chỉ tiêu, nhà trường chuyển chỉ tiêu cho phương thức còn lại.

Đối với ngành Giáo dục mầm non và Sư phạm Mỹ thuật (Mỹ thuật – Âm nhạc): Áp dụng 02 phương thức xét tuyển trên kết hợp với điểm môn năng khiếu thi tại trường hoặc xét tuyển thí sinh có kết quả thi năng khiếu năm 2018 tại các trường ĐH, CĐ khác phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển.

Môn năng khiếu có thể được tổ chức thi nhiều lần khi chưa hết chỉ tiêu.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành/nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo PT 1	Chỉ tiêu theo PT 2
1	Giáo dục Mầm non – Hàm Thuận Nam	51140201HTN	39	70%	30%
2	Giáo dục Tiểu học – Hàm Thuận Nam	51140202HTN	35	70%	30%
3	Giáo dục Tiểu học – Tánh Linh	51140202TL	13	70%	30%
4	Giáo dục Tiểu học – Đức Linh	51140202DL	15	70%	30%
5	Sư phạm Mỹ thuật (Mỹ thuật – Âm nhạc) – Hàm Thuận Bắc	51140222HTB	20	70%	30%
6	Sư phạm Mỹ thuật (Mỹ thuật – Âm nhạc) – Hàm Thuận Nam	51140222HTN	16	70%	30%
7	Sư phạm Mỹ thuật (Mỹ thuật – Âm nhạc) – Tánh Linh	51140222TL	6	70%	30%
8	Sư phạm Mỹ thuật (Mỹ thuật – Âm nhạc) – Đức Linh	51140222DL	6	70%	30%

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

2.5.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

+ Đối với phương thức xét điểm thi THPT 2018: Căn cứ kết quả của kỳ thi THPT quốc gia, Bộ GD&ĐT xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

+ Đối với phương thức xét điểm học bạ lớp 12: Ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục Tiểu học xét tuyển thí sinh có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên. Ngành Sư phạm Mỹ thuật (Mỹ thuật – Âm nhạc) xét tuyển thí sinh có học lực lớp 12 xếp loại trung bình trở lên.

2.5.2. Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp. Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hoá THPT theo quy định.

Có kết quả thi năng khiếu năm 2018 đối với ngành Giáo dục Mầm non và Sư phạm Mỹ thuật (Mỹ thuật – Âm nhạc).

Có hộ khẩu thường trú đúng theo phạm vi tuyển sinh đã nêu ở mục 2.2.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận Mã Trường: C47

NGÀNH	MÃ TỔ HỢP	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
Giáo dục Mầm non	M05	Văn, Sử, Năng khiếu
	M06	Toán, Văn, Năng khiếu
Giáo dục Tiểu học	A00	Toán, Lý, Hóa
	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
	C00	Văn, Sử, Địa
	D01	Toán, Văn, Tiếng Anh
Sư phạm Mỹ Thuật (Mỹ thuật – Âm nhạc)	H00	Văn, Hình hoạ, Trang trí

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo

- Ngày thi năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non và Sư phạm Mỹ thuật (Mỹ thuật – Âm nhạc): dự kiến ngày 07/07/2018.

- Thời gian tuyển sinh: theo lịch của Bộ GD&ĐT.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

+ Phương thức xét điểm thi THPT: theo quy định của Bộ GD&ĐT

+ Phương thức xét điểm học bạ lớp 12, hồ sơ gồm:

1) Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của trường)

2) Bản sao hợp lệ các hồ sơ sau:

Học bạ THPT; Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (nếu tốt nghiệp THPT năm 2018); Hộ khẩu; Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có); Kết quả thi năng khiếu 2018 (đối với thí sinh thi năng khiếu tại các trường ĐH, CĐ khác)

3) 02 phong bì dán tem có ghi rõ họ tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc.

- Địa điểm và phương thức nộp hồ sơ:

Nhận hồ sơ xét tuyển trực tiếp hoặc qua bưu điện chuyển phát nhanh tại: Ban tuyển sinh – Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận.

Địa chỉ: số 205 Lê Lợi, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Điện thoại: 0252 3828150 hoặc 0937 467169

Email: bants@btu.edu.vn Website: www.btu.edu.vn

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy hiện hành.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Thực hiện theo quy định hiện hành.

2.10. Học phí dự kiến đối với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Sinh viên được miễn học phí khi học các ngành đào tạo giáo viên.

3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

- Tuyển sinh bổ sung đợt 1: 14-31/8/2018.

- Tuyển sinh bổ sung đợt 2: 17-28/9/2018.

4. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường : 32.472,4 m²

- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu : 8.104 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên : 500 chỗ

4.1.2. Thống kê phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành Âm nhạc	Đàn Casio, đàn Yamaha, Tivi, máy vi tính, ghitarre thùng, loa vi tính, amly...
2	Phòng thực hành TĐTT	Nệm nhảy cao, xà nhảy, trống, cột và lưới bóng chuyền,..
3	Phòng thực hành Mầm non	Máy đĩa, tủ kính trưng bày, lavabo, ...
4	Phòng thực hành Sinh - Hóa	Bếp chung, bình định mức, bình hút ả chân không, cốc đong chịu nhiệt, nhiệt kế, bếp điện, bộ đồ mổ, cân điện tử,....

4.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	00
3	Phòng học từ 50 – 100 chỗ	03
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	05
5	Số phòng học đa phương tiện	00

4.1.4. Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành I	- Sách: 355 tên /13.192 bản - Báo, tạp chí: 08 - Ebook TV số: 169 - Các VB pháp luật tại: Thư viện pháp luật
2	Nhóm ngành II	
3	Nhóm ngành III	
4	Nhóm ngành IV	
5	Nhóm ngành V	

4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

Khối ngành/ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CĐ
Khối ngành I						
<i>Ngành Giáo dục Mầm non</i>						
Nguyễn Thị Kim Hồng				X		
Bùi Thị Hồng Thắm				X		
Trần Thị Ngân Hà				X		
Trần Thị Mai Lan				X		
Huỳnh Thị Xuân Kiều				X		
Nguyễn Trần Linh Trang				X		
Trịnh Thị Thủy Tiên					X	
Huỳnh Thị Yên Ngọc					X	
Phạm Thị Minh Hạnh			X			
Lê Thị Thùy Vân				X		
Trần Thị Loan Phương				X		
Phạm Thúy Nhược Lan				X		
Nguyễn Quang Tân				X		
Tông Thị Như Hòa					X	
Trần Hữu Đa					X	

Khối ngành/ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CĐ
<i>Ngành Giáo dục Tiểu học</i>						
Tạ Kim Anh				X		
Nguyễn Thị Thanh Xuân				X		
Hồ Thanh Quốc				X		
Trần Hữu Nghị				X		
Phạm Hoàng Hải Ngọc				X		
Đỗ Thị Hoàng Xuân					X	
Trần Thị Trọng Lễ					X	
Mai Ngọc Thanh Trâm					X	
Trương Trọng Xuân Hiền					X	
Đình Huỳnh Hồng Hạnh					X	
Võ Phan Thảo Nguyên					X	
Đặng Ngọc Hùng				X		
Lê Hồng Phương				X		
Hà Thị Tâm				X		
Phạm Hồng Phượng				X		
Phạm Thị Ái Thùy				X		
Trần Thị Thông					X	
Nguyễn Đình Hiền				X		
Trương Văn Chính				X		
Lương Hoàng Sinh				X		
<i>Ngành Sư phạm Mỹ thuật</i>						
Nguyễn Thị Thanh Liêm				X		
Nguyễn Thị Hằng				X		
Ngô Lâm Nhật Khánh				X		
Nguyễn Trần Khánh Vy				X		
Tô Thanh Vĩ					X	
Trần Thị Thảo Trang					X	
Đặng Thị Hiệp Định				X		
Nguyễn Văn Hải				X		
Trần Thị Ngọc Anh				X		
Nguyễn Thị Minh Hiền				X		
Nguyễn Văn Bảo					X	
Ngô Hoài Minh					X	
Lê Thị Minh Nguyệt					X	
Tổng của khối ngành	0	0	1	31	16	
GV các môn chung						
La Minh Trọng				X		
Võ Văn Hùng				X		
Đào Thị Xuân Hường				X		
Trần Thị Thanh Tuyên				X		
Trần Huy Hoàng					X	

Khối ngành/ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CĐ
Lê Cao Đông					X	
Trần Ngọc Nhuận					X	
Phạm Hồng Kỳ					X	
Nguyễn Phi Chính					X	
Trần Việt Dũng				X		
Đỗ Thị Thanh Hiền				X		
Nguyễn Thị Ngọc Hạnh				X		
Trần Thị Hà				X		
Ngô Trường Minh				X		
Võ Yên Hùng					X	
Nguyễn Văn Mạnh					X	
Bùi Quang Hùng					X	
Phạm Thị Thu Thảo				X		
Nguyễn Thị Diễm				X		
Đoàn Ngọc Hậu				X		
Nguyễn Thị Thanh Tiên				X		
Trần Thị Có				X		
Trần Quốc Oanh				X		
Huỳnh Mỹ Phương					X	
Trần Thị Ngọc Diễm				X		
Nguyễn Ngọc Thùy Trang				X		
Phạm Thảo Nguyên				X		
Huỳnh Thị Hà				X		
Nguyễn Thị Thanh Cẩm				X		
Đoàn Phan Thái				X		
Vũ Quang				X		
Nguyễn Quốc Khánh Như				X		
Nguyễn Thị Hồng Hà					X	
Phạm Bảo Quốc					X	
Lê Thị Uyên Bích					X	
Huỳnh Triệu Vỹ					X	
Hoàng Cao Anh					X	
Nguyễn Thị Hồng Nhung					X	
Tổng số giảng viên toàn trường	0	0	1	54	31	

5. Tình hình việc làm (thống kê theo khoá tốt nghiệp 2015 & 2016)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh			Số SV/HS trúng tuyển nhập học			Số SV/HS tốt nghiệp			Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng		
	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP
Khối ngành I (Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Mỹ Thuật)		455			389			379			267	
Khối ngành....												
Tổng		455			389			379			267	

6. Tài chính

Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: Được cấp từ ngân sách nhà nước theo số lượng sinh viên mỗi năm học.

Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 2.600.000 VNĐ/1 sinh viên/1 năm./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Tân